

Thứ tư, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Vietnam Daily Review

Thanh khoản thấp trong phiên giao dịch hôm nay

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/8/2023	•		
Tuần 03/07-07/07/2023	•		
Tháng 08/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường bật tăng ngay từ khi mới mở cửa và quay đầu giảm khi chạm ngưỡng 1,190. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,172.56 điểm, giảm gần 8 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 7/18 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Hóa chất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể giao dịch quanh ngưỡng 1,180.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/8/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-7.93** điểm, đóng cửa **1172.56** điểm. HNX-Index **-1.58** điểm, đóng cửa **238.07** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.78)**, **VIC (+0.48)**, **VNM (+0.42)**, **GVR (+0.15)**, **DGC (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.88)**, **VHM (-1.07)**, **HPG (-0.71)**, **VPB (-0.58)**, **STB (-0.57)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14867** tỷ đồng, giảm **-24.86%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **17178** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **24.90** điểm. Thị trường có **176** mã tăng, **71** mã tham chiếu, **281** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-556.36** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-218.17 tỷ)**, **VPB (-114.7 tỷ)**, **STB (-74.27 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.23** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.88%**. Các mã diễn biến tích cực: **DGC (+1.97%)**, **GAS (+1.60%)**, **PVD (+1.25%)**.
- BSC50 **-0.42%**. Các mã diễn biến tích cực: **C4G (+3.66%)**, **HAH (+1.46%)**, **QNS (+1.22%)**.

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Hóa chất	0.38%	Truyền thông	-0.58%
Thực phẩm và đồ uống	0.28%	Bán lẻ	-0.73%
Điện, nước & xăng dầu khí	0.18%	Hàng cá nhân & Gia	-0.86%
Bảo hiểm	0.14%	Dịch vụ tài chính	-1.05%
Hàng & Dịch vụ Công	0.09%	Ngân hàng	-1.22%
Ô tô và phụ tùng	0.07%	Du lịch và Giải trí	-1.43%
Công nghệ Thông tin	0.03%	Tài nguyên Cơ bản	-1.50%
Y tế	-0.07%	VNSML	0.08%
Xây dựng và Vật liệu	-0.23%	VNMID	-0.56%
Dầu khí	-0.35%	VN30	-0.88%
Bất động sản	-0.55%		

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1172.56**

Giá trị: 14866.58 tỷ **-7.93 (-0.67%)**

Khối ngoại (ròng): -556.36 tỷ

HNX-INDEX **238.07**

Giá trị: 1230.08 tỷ **-1.58 (-0.66%)**

Khối ngoại (ròng): 5.23 tỷ

UPCOM-INDEX **89.39**

Giá trị: 411.97 tỷ **-0.12 (-0.13%)**

Khối ngoại (ròng): 10.15 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	84.0	-0.51%
Giá vàng	1,897	-0.25%
Tỷ giá USD/VND	23,820	-0.18%
Tỷ giá EUR/VND	25,782	-0.88%
Tỷ giá JPY/VND	164	0.06%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	-0.04%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	53.76	HPG	-218.17
VIC	31.98	VPB	-114.70
DGC	28.49	STB	-74.27
PDR	24.28	SSI	-64.67
TPB	23.53	VND	-53.82

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 23/8

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	79.64	-0.66%	-1.13%	1.52%	-14.65%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	84.03	-0.50%	-1.26%	1.62%	-14.47%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.77	-0.26%	-2.88%	-2.59%	3.65%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.55	-3.00%	-3.98%	-5.02%	-72.32%		
TTF Gas	EUR/MWh	42.91	5.21%	10.55%	40.42%	-84.05%		
Vàng	Ounce	1,896.01	0.11%	-0.29%	-2.99%	8.49%		PNJ
Bạc	Ounce	23.40	0.22%	3.95%	-3.98%	22.12%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,351.50	-1.35%	2.13%	-7.00%	-7.49%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.22	-0.35%	-0.63%	25.05%	-14.24%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.10	0.39%	1.33%	0.39%	-12.24%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	23.40	0.00%	-1.56%	-6.10%	30.80%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T							DPM, DCM
Niken	LB	19,866.00	-0.21%	0.39%	-6.29%	-10.73%		PC1
Đồng	LB	3.76	1.21%	2.61%	-2.31%	1.65%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,210.00	1.84%	4.15%	10.50%	-15.33%		CSV
Thép	CNY/ton	3,686.00	0.57%	2.96%	-1.34%	-8.38%		HPG
Nhôm	Ton	2,182.00	1.77%	1.84%	-1.22%	-9.98%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 22/8, dầu thô Brent giảm 43 US cent hay 0.5% xuống 84.03 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI kỳ hạn tháng 10 giảm 48 US cent xuống 79.64 USD/thùng.
- Giá dầu giảm nhẹ do các nhà đầu tư vẫn tập trung vào khả năng tình trạng bất ổn của kinh tế Trung Quốc sẽ khiến nhu cầu từ nước nhập khẩu dầu thô hàng đầu thế giới giảm sút.

Giá vàng

- Vàng giao ngay gần như không đổi tại 1,896.6 USD/ounce, nhưng vẫn giữ gần mức thấp 5 tháng tại 1,883.7 USD đã chạm tới trong ngày 18/8. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 đóng cửa tăng 0.2% lên 1,926 USD/ounce.
- Giá vàng gần mức thấp nhất 5 tháng do USD và lợi suất trái phiếu mạnh làm giảm sức hấp dẫn của vàng, trong khi trọng tâm chuyển sang hội nghị Jackson Hole vào cuối tuần này để có những manh mối về triển vọng lãi suất.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt giao tháng 9 tại Singapore tăng 3.4% lên 111.05 USD/tấn, cao nhất kể từ ngày 27/7. Quặng sắt giao tháng 1/2024 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc đóng cửa tăng 4.5% lên 805.5 CNY (110.52 USD)/tấn, tiếp tục tăng phiên thứ 9 liên tiếp.
- Quặng sắt tiếp tục tăng, giá tại Singapore đạt mức cao nhất trong hơn 3 tuần bởi các biện pháp chính sách nhằm củng cố sự phục hồi kinh tế đang chững lại của Trung Quốc và dấu hiệu nhu cầu tại nước này đang tăng.

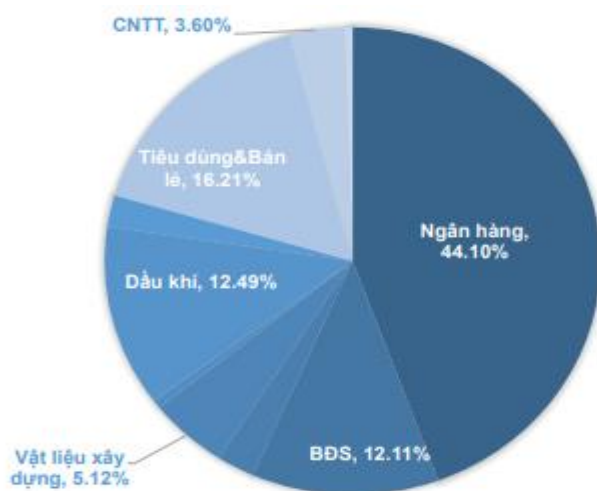
Giá hàng hóa khác

- Hợp đồng cao su giao tháng 1/2024 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 0.6 JPY hay 0.3% lên 200.7 JPY (1.38 USD)/kg.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 đóng cửa giảm 0.75 US cent xuống 150.05 US cent/lb,

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	86.3	-2.4%	1.0	20,224	6.3	7,311	11.8	105,000	19.9%	Link
BID	Ngân hàng	45.7	-0.2%	0.9	9,693	2.6	4,208	10.9	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	20.2	-1.7%	1.1	5,700	12.2	-	-	23,685	16.4%	Link
TCB	Ngân hàng	33.2	0.3%	1.6	4,896	12.7	-	-	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.0	-1.1%	1.5	3,935	4.4	4,640	3.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.9	-3.9%	1.2	2,442	50.1	4,603	6.7	31,200	24.3%	Link
GVR	BDS KCN	19.2	0.8%	1.9	3,220	0.8	4,880	3.9	19,100	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	31.1	-1.0%	1.6	1,001	5.3	-	-	34,000	20.7%	Link
IDC	BDS KCN	44.9	-1.1%	1.7	621	3.5	1,217	-	45,900	11.2%	Link
VGC	BDS KCN	43.2	-1.3%	1.8	813	0.7	1,916	22.5	-	5.0%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	25.6	-1.9%	2.0	6,254	23.4	1,896	13.5	23,300	26.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	54.5	-1.8%	1.1	9,950	15.3	5,227	10.4	79,900	24.3%	Link
VRE	BDS	28.8	-1.9%	1.0	2,739	5.7	1,576	18.3	36,200	32.5%	Link
KDH	BDS	33.5	-1.6%	1.8	1,007	2.8	2,557	13.1	35,900	39.0%	Link
NLG	BDS	34.8	-2.1%	1.7	560	3.8	14,120	2.5	46,100	41.8%	Link
DGC	Phân bón	72.4	2.0%	1.8	1,153	9.0	6,793	10.7	85,000	13.6%	Link
DPM	Dầu khí	35.2	-3.2%	1.0	578	4.4	2,625	13.4	42,000	15.4%	Link
DCM	Dầu khí	32.2	-0.9%	1.3	714	3.4	2,292	14.0	40,000	11.5%	Link
GAS	Dầu khí	101.9	1.6%	0.6	8,177	3.1	1,340	76.0	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	37.4	-0.8%	0.9	1,992	1.9	2,929	12.8	45,000	17.2%	Link
PVS	Dầu khí	32.7	-0.9%	1.0	655	3.8	993	32.9	38,500	19.8%	Link
PVD	Dầu khí	24.3	1.2%	1.1	566	2.3	7,698	3.2	29,000	21.0%	Link
POW	Tiện ích	12.4	-3.5%	0.9	1,213	6.8	3,895	3.2	14,500	6.2%	Link
VNM	Bán lẻ	73.5	1.1%	0.4	6,441	9.5	2,605	28.2	81,700	54.6%	Link
MSN	Bán lẻ	77.5	-0.3%	1.3	4,650	4.7	3,456	22.4	27,700	30.3%	Link
MWG	Bán lẻ	49.7	-0.6%	1.8	3,048	10.3	7,475	6.6	63,300	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	77.5	-1.3%	0.6	1,066	1.1	2,965	26.1	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	69.9	0.0%	1.0	537	0.9	12,800	5.5	90,900	32.0%	Link
GMD	Logistics	54.0	0.0%	0.4	682	0.9	7,059	7.6	57,000	47.5%	Link
FPT	Công nghệ	86.5	0.0%	0.6	4,606	5.1	5,901	14.7	96,300	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	31.3	-0.80%	1.1	6,307	5.7	3,520	8.6	1.3	27.2%	15.9%
ACB	Ngân hàng	21.8	-0.9%	1.1	3,558	5.1	3,742	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	16.1	-1.8%	0.8	1,953	1.3	3,149	5.9	1.3	20.0%	22.3%
LPB	Ngân hàng	15.4	0.0%	1.3	1,646	2.4	2,732	5.9	1.3	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.8	-0.5%	1.2	2,101	2.7	3,469	5.9	1.5	20.5%	28.5%
VND	Chứng khoán	20.6	-2.1%	1.9	1,049	19.1	489	36.6	1.7	23.5%	3.8%
TPB	Ngân hàng	18.5	-0.3%	1.0	1,708	4.3	2,895	6.3	1.4	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	30.4	-1.0%	1.6	1,911	41.9	1,120	25.0	2.0		9.1%
CII	Xây dựng	20.0	-2.2%	1.6	238	5.0	218	85.0	1.1	8.4%	0.2%
C4G	Xây dựng	14.2	0.0%	1.9	0	1.2	791	18.1	1.4	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	59.0	0.9%	2.1	184	1.0	184	420.2	0.6	43.2%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.4	0.0%	1.6	199	1.7	903	17.2	0.7	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.6	-0.4%	2.1	100	2.5	812	17.0	1.1	3.1%	3.7%
BCM	KCN	67.7	-1.2%	0.7	2,938	0.6	1,170	69.2	4.4	2.7%	3.1%
HUT	KCN	23.9	-2.0%	1.4	349	2.2	162	124.2	2.4	1.9%	1.3%
PHR	KCN	47.8	-0.1%	1.4	272	0.3	6,039	8.4	2.1	15.3%	26.8%
SZC	KCN	34.7	-0.6%	1.8	175	0.5	1,103	29.1	2.8	3.0%	10.8%
HSG	Vật liệu	18.3	-0.5%	2.3	473	3.9	(1,694)		1.2	20.2%	-11.7%
HT1	Vật liệu	14.0	0.4%	1.5	225	0.3	386	43.4	1.3	3.6%	1.2%
NKG	Vật liệu	17.9	0.0%	2.4	198	3.1	(2,586)		1.0	10.4%	-13.1%
PTB	Vật liệu	53.8	-0.6%	1.0	151	0.2	6,017	9.1	1.4	17.1%	13.7%
KSB	Vật liệu	28.4	0.2%	1.7	91	1.5	1,393	22.2	1.2	3.3%	5.0%
NVL	BDS	18.7	1.1%	1.4	1,529	23.2	362	40.6	1.1	3.9%	-0.5%
DXG	BDS	18.9	-1.0%	2.7	483	16.3	(240)		1.3	18.4%	-1.4%
HDC	BDS	32.5	-1.8%	1.0	184	3.3	2,526	11.4	2.7	2.0%	17.2%
DIG	BDS	25.2	-1.0%	2.4	643	20.7	262	80.6	2.2	5.8%	1.1%
IJC	BDS	15.0	-0.3%	2.1	159	0.8	1,662	8.6	1.1	5.7%	10.2%
BSR	Dầu khí	18.3	-1.1%	1.4	0	4.2	4,750	3.8	1.2	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	21.7	-0.7%	0.8	294	1.6	2,740	8.6	1.1	13.9%	15.9%
PLC	Săm lốp	34.3	0.9%	1.6	116	0.4	1,355	28.2	2.4	1.2%	7.6%
DRC	Tiện ích	22.2	0.0%	1.2	111	0.2	2,246	10.3	1.6	11.5%	13.4%
REE	Tiện ích	61.1	0.0%	0.7	1,047	0.8	6,714	9.8	1.6	49.0%	14.9%
GEX	Tiện ích	21.4	0.2%	1.8	766	12.4	10	1917.7	1.6	11.9%	2.5%
NT2	Tiện ích	27.5	-0.7%	0.6	332	0.4	3,245	9.3	1.8	15.3%	15.6%
HDG	Tiện ích	29.0	-1.0%	1.8	372	0.7	3,775	8.1	1.7	23.8%	15.7%
PC1	Tiện ích	25.0	-1.0%	1.5	284	1.0	1,257	21.6	1.5	5.6%	5.1%
GEG	Tiện ích	13.8	-1.1%	1.0	197	0.4	902	16.5	1.4	45.9%	5.2%
BCG	Dầu khí	10.2	-2.9%	2.5	228	2.7	220	44.5	0.9	2.1%	-0.6%
SAB	Bán lẻ	150.1	0.1%	0.1	4,036	2.2	7,649	19.6	4.2	62.3%	19.1%
QNS	Bán lẻ	45.8	-2.6%	0.5	0	0.7	4,226	11.9	2.0	16.2%	17.5%
FRT	Bán lẻ	74.0	-1.1%	1.5	423	2.0	1,620	47.4	5.9	32.7%	-2.5%
DGW	Bán lẻ	51.4	-1.0%	2.2	360	2.8	3,397	14.2	3.5	23.6%	21.7%
DBC	Bán lẻ	22.8	-3.0%	2.1	231	4.1	(1,339)		1.4	6.0%	-0.2%
PET	Bán lẻ	25.5	-1.7%	2.3	114	0.3	1,026	29.3			3.7%
BAF	Bán lẻ	20.1	0.2%	1.1	121	1.4	1,409	17.9	1.7	0.1%	10.0%
ANV	Thủy sản	31.4	0.5%	1.9	176	1.0	4,368	8.6	1.6	3.9%	9.3%
VSC	Logistics	28.7	0.0%	0.2	160	0.5	2,087	18.3	1.5	3.1%	6.4%
HAH	Logistics	31.3	1.5%	1.2	138	1.4	9,072	5.3	1.5	4.5%	25.5%
CTR	Công nghệ	73.4	-0.1%	1.4	352	0.4	4,040	18.5	5.0	9.7%	31.9%
TNG	Đệt may	18.0	0.6%	1.7	86	0.6	2,665	7.5	1.3	23.8%	17.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiện dụng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2021	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

